

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh một số nội dung của Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 của UBND tỉnh về phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 86/GP-UBND ngày 11/6/2020 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Thông báo số 270/TB-UBND ngày 18/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về kết luận hội nghị Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh ngày 11/12/2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 497/TTr-SNNMT ngày 27/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung của Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 của UBND tỉnh về phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng

sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, cụ thể:

1. Điều chỉnh điểm b khoản 1 Điều 1 như sau:

“b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

$G = G_{\text{tn}} \times K_{\text{qd}} = 77.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,475 = 113.575 \text{ đồng/m}^3$ đối với đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.”

2. Điều chỉnh điểm c khoản 1 Điều 1 như sau:

“c) Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác:

$Q = 1.163.051 \text{ m}^3$ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.”

3. Điều chỉnh điểm f khoản 1 Điều 1 như sau:

“f) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp là:

$T = Q \times G \times K_1 \times K_2 \times R = 1.163.051 \text{ m}^3 \times 113.575 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 3\% = 3.566.524.968 \text{ đồng}$ (Ba tỷ, năm trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi tư nghìn, chín trăm sáu mươi tám đồng).”

4. Điều chỉnh điểm i khoản 1 Điều 1 như sau:

“i) Số tiền nộp lần đầu:

$T_{\text{ld}} = T : (X : 2) \times 30\% = 3.566.524.968 \text{ đồng} : (16 : 2) \times 30\% = 133.744.686 \text{ đồng}$ (Một trăm ba mươi ba triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, sáu trăm tám mươi sáu đồng).”

5. Điều chỉnh điểm k khoản 1 Điều 1 như sau:

“k) Số tiền nộp từ lần thứ 02 đến lần thứ 8:

$T_{\text{hn}} = (T - T_{\text{ld}}) : [(X : 2) - 1] = (3.566.524.968 \text{ đồng} - 133.744.686 \text{ đồng}) : [(16 : 2) - 1] = 490.397.183 \text{ đồng}$ (Bốn trăm chín mươi triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, một trăm tám mươi ba đồng).”

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan khác về tính chính xác của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, địa phương nơi có mỏ, tăng cường kiểm tra, giám sát việc cấm mốc giới khu vực mỏ, khai thác khoáng sản trong phạm vi khu vực mỏ được cấp phép, theo công suất, trữ lượng

được cấp phép theo quy định của pháp luật; kịp thời xử lý nghiêm hành vi vi phạm (nếu có) theo thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Tham mưu điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) đối với Công ty TNHH Tân Thành 1.

2. Chi cục Thuế khu vực X thông báo đến Công ty TNHH Tân Thành 1 về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp bổ sung ngân sách nhà nước năm 2020 (42.101.395 đồng), từ năm 2021 đến năm 2023 (154.371.782 đồng/năm), năm 2024 (140.337.983 đồng), năm 2025 (140.337.983 đồng) và số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp các năm tiếp theo đảm bảo theo quy định.

3. Công ty TNHH Tân Thành 1:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách nhà nước theo quy định; kê khai, báo cáo, thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện; trường hợp khi có hướng dẫn, yêu cầu khác của các bộ, ngành Trung ương và các cơ quan có thẩm quyền hoặc trong quá trình thực hiện, nếu cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan liên quan có ý kiến về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, nghĩa vụ thuế, Công ty TNHH Tân Thành 1 phải chấp hành nộp bổ sung đầy đủ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền thuế theo quy định.

- Khai thác khoáng sản trong phạm vi khu vực mỏ được cấp phép theo đúng mốc giới đã được cắm, công suất, trữ lượng được cấp phép theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện việc báo cáo công suất, trữ lượng khai thác với cơ quan chức năng theo quy định; hàng ngày làm việc, thực hiện kết nối, truyền thông tin và cung cấp giá bán vật liệu với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường để công bố công khai trên Website do Sở Tài chính quản lý; tuyệt đối không găm hàng, tích trữ, đầu cơ, nâng giá, ép giá, bán với giá cao hơn mức giá (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) đã kê khai giá được niêm yết, công bố gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước và nhân dân; thực hiện việc xuất hóa đơn giá trị gia tăng đầy đủ, đúng giá bán cho người dân, doanh nghiệp.

- Sau khi kết thúc thời gian khai thác, nộp hồ sơ, sổ sách, chứng từ, tài liệu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế tại mỏ nêu trên về Sở Nông nghiệp và Môi trường; nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phát sinh (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế số thứ tự số 13 Phụ lục kèm theo Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp năm 2018, 2019 và 2020 của các đơn vị khai thác khoáng sản theo kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực X; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc; Chủ tịch UBND xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc; Công ty TNHH Tân Thành 1; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTTC_{VN28039}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Nguyễn Văn Thi', written in a cursive style.

Nguyễn Văn Thi